

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày: 14-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Hồng

Ông Trần Văn Hưng

Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Ràng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. TRẦN VĂN H (Cà Tha), sinh năm: 1984 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Trần Văn M, sinh năm: 1951 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1953; Vợ: Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1988; Có 01 người con sinh năm 2008; Tiền án: Tại bản án số 57/2015/HSST ngày 29/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự (tài sản chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000 đồng); Tiền sự: Tại Quyết định số 27/QĐ-XPVPHC ngày 17/4/2017 của Công an Phường N, thành phố B, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 16/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre đã áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị bắt tạm giữ ngày 13/12/2017, tạm giam ngày 16/12/2017. (Có mặt)

2. NGUYỄN THANH NH, sinh năm: 1989 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 61C, khu phố B, Phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1960 và bà Trần Thị T (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1988; Có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án: không; Tiền sự: Tại Quyết định số 46/QĐ-XPVC ngày 25/7/2016 của

Công an xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng công trình V.

Địa chỉ: Số 787C, ấp P, xã PH, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị T – Chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Hùng C, sinh năm: 1973;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Trần Thị S, sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Người làm chứng:

Đặng Chí Tr, sinh năm: 1974;

Nơi cư trú: Số 98/80, khu phố B, Phường M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 18/5/2017, Trần Văn H điều khiển xe mô tô biển số 71F6-3616 của Trần Hùng C (anh ruột H) chở Nguyễn Thanh Nh chạy trên đường Nguyễn Đình Chiểu, hướng từ Phường T về xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Khi chạy ngang nhà kho của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng B (thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng công trình V) ở số 207D, ấp P, xã P, thành phố B do bà Lê Thị T làm giám đốc, Nh phát hiện trong nhà kho của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng B có để 01 máy cắt sắt màu xám - cam nhưng không người trông coi nên rủ H cùng lấy trộm máy cắt sắt này bán lấy tiền tiêu xài thì H đồng ý. Để thực hiện ý định, H điều khiển xe quay lại, dừng xe gần cửa kho Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng B rồi cùng Nh vào khiêng máy cắt sắt ra đặt lên xe mô tô biển số 71F6-3616 rồi H điều khiển xe chở Nh ngồi sau ôm máy cắt sắt đem đến cửa hàng tiện của anh Đặng Chí Tr ở số 98/80A, khu phố B, Phường M, thành phố B, tỉnh Bến Tre gạ bán nhưng anh Tr không mua. Thấy vậy, Nh kêu anh Tr hàn 04 bánh xe vào máy cắt sắt và gửi máy cắt sắt tại cửa hàng của anh Tr. Sau đó hành vi của Nh và H bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 máy cắt, loại máy bàn, màu xám - cam, kích thước 70cm x 38 cm x 50cm, Nhãn hiệu Công ty TNHH máy cắt sắt Hồng Phát (do Đặng Chí Tr giao nộp).

- 01 xe mô tô Nhãn hiệu LonCin, số loại Dream màu nâu, biển số 71F6-3616, số máy: LC150FM01026152, số khung: AM 10001026152 và 01 giấy phép lái xe số V764830 mang tên Trần Văn H (Do Trần Văn H giao nộp).

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số IMEI 1: 866892026821135, máy màu xám đen, màn hình điện thoại bị vỡ kính và 01 tai nghe điện thoại màu đen (Do Nguyễn Thanh Nh giao nộp).

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 559/KL-HĐĐG ngày 07/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận: 01 máy cắt, loại máy bàn, màu xám cam, kích thước 70cm x 38cm x 50cm có ghi hiệu Công ty TNHH máy cắt sắt Hồng Phát, trị giá ngày 18/5/2017 là 3.150.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSTPBT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thanh Nh về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thanh Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 9 đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Nh từ 6 đến 9 tháng tù.

- Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả lại cho bị hại Lê Thị T đại diện công ty V 01 máy cắt, loại máy bàn, màu xám cam, kích thước 70 cm x 38 cm x 50 cm, Nhãn hiệu Công ty TNHH máy cắt sắt Hồng Phát và hiện bị hại T không yêu cầu gì khác; trả lại cho anh Trần Hùng C 01 xe mô tô biển số 71F6 – 3616; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh Nh 01 điện thoại di động hiệu OPPO, 01 tai nghe điện thoại màu đen và trả cho Trần Văn H 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn H. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

Bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thanh Nh có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 12 giờ ngày 18/5/2017, các bị cáo đã câu kết với nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng công trình V 01 máy cắt, loại máy bàn, màu xám cam, kích thước 70 cm x 38 cm x 50 cm, Nhãn hiệu Công ty TNHH máy cắt sắt Hồng Phát tại nhà kho của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng B ở số 207D, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Sau khi chiếm đoạt tài sản, các bị cáo đem đi bán cho anh Đặng Chí Tr nhưng anh Tr không mua nên các bị cáo gửi lại cửa hàng của anh Tr, sau đó thì hành vi của các

bị cáo bị phát hiện. Các bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật về đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hùng C và Trần Thị S trình bày: anh C là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô biển số 71F6 – 3616, anh giao xe cho chị S sử dụng, anh C và chị S không biết bị cáo sử dụng xe đi trộm cắp tài sản, anh C đã nhận lại xe mô tô trên và hiện anh, chị không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thanh Nh tại phiên tòa là vào khoảng 12 giờ ngày 18/5/2017, các bị cáo đã câu kết với nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng công trình V 01 máy cắt, loại máy bàn, màu xám cam, kích thước 70 cm x 38 cm x 50 cm, Nhãn hiệu Công ty TNHH máy cắt sắt Hồng Phát tại nhà kho của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng B ở số 207D, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Sau khi chiếm đoạt tài sản, các bị cáo đem đi bán cho anh Đặng Chí Tr nhưng anh Tr không mua nên các bị cáo gửi lại cửa hàng của anh Tr, sau đó thì hành vi của các bị cáo bị phát hiện. Đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra là phù hợp nhau. Giá trị chiếc máy cắt của bị hại bị chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre xác định 3.150.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với giá trị, không khiếu nại gì, Hội đồng xét xử căn cứ giá trị Hội đồng định giá xác định để xét xử đối với bị cáo. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận các bị cáo H và Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[4] Đây là vụ đồng phạm mang tính giản đơn, trước và trong khi thực hiện các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo trong vụ án thể hiện như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh Nh giữ vai trò là người rủ rờ và cũng là người thực hành, cùng bị cáo H thực hiện tội phạm. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án

kết án về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích) và bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và đánh bạc. Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, nuôi con chưa thành niên theo quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Văn H giữ vai trò là người thực hành, cùng bị cáo Nh thực hiện tội phạm. Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính và áp dụng biện pháp hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời đã bị Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đối với bị cáo H, sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị truy nã, gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết vụ án. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, nuôi con chưa thành niên theo quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất mức độ và hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lê Thị Thu là đại diện cho công ty V đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 máy cắt, loại máy bàn, màu xám cam, kích thước 70 cm x 38 cm x 50 cm, Nhn hiệu Công ty TNHH máy cắt sắt Hồng Phát và hiện công ty không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Anh Trần Hùng C không biết bị cáo mượn xe mô tô biển số 71F6- 3616 dùng vào việc thực hiện tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh C là phù hợp nên được ghi nhận; Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO, 01 tai nghe điện thoại màu đen và 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn H thuộc sở hữu của các bị cáo Nh và H không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả lại các tài sản trên cho các bị cáo là phù hợp nên được ghi nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo H và Nh “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với Đặng Chí Tr có hành vi chứa chấp tài sản của các bị cáo nhưng anh Tr không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Tr là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thanh Nh pH nộp theo quy định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H (Cà Tha) và Nguyễn Thanh Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Văn H (Cà Tha) 01 (một) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2017.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Nh 8 (tám) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009:

Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng công trình V do bà Lê Thị T là đại diện đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 máy cắt, loại máy bàn, màu xám cam, kích thước 70 cm x 38 cm x 50 cm, Nhn hiệu Công ty TNHH máy cắt sắt Hồng Phát và hiện không yêu cầu gì khác

3. Áp dụng 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả lại cho anh Trần Hùng C 01 xe mô tô biển số 71F6 – 3616; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh Nh 01 điện thoại di động hiệu OPPO, 01 tai nghe điện thoại màu đen và trả cho Trần Văn H 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn H.

4. Áp dụng Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thanh Nh pH nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T, M, tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (4b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình